TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HN&GĐ-ST
Ngày: 10-6-2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hồ Văn Sơn;

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký phiên toà: Bà Mai Thảo Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2022/TLST-HN&GĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HN&GĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh Ch, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ 4, thôn 5, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Tổ 4, thôn 5, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh Ch và chị L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; sau khi đi đến hôn nhân thì anh Ch và chị L vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, anh Ch làm công ty, chị L làm uốn tóc; đến năm 2015 thì anh Ch và chị L chuyển về thôn 5, xã T, huyện Đức Linh sinh sống cho đến khi anh Ch và chị L chính thức ly thân vào trước tết 2021, anh Ch về lại nhà cha mẹ bên xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai sinh sống; còn chị L thì có lúc ở T, có lúc đi làm ở Long Khánh, Đồng Nai; tuy nhiên hộ khẩu của anh chị vẫn còn ở xã T, huyện Đức Linh; anh Ch và chị L không còn quan hệ như vợ chồng, anh Ch xác định không còn tình cảm với chị L và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị L.

Về con chung: Anh Ch và chị L có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Minh Nhật Th, sinh năm 2014; con Th hiện đang ở với anh Ch và đang học tại Trường tiểu học Kim Đồng, xã Gia Canh; sau khi ly hôn thì anh Ch yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Chị L và anh Ch tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; sau khi kết hôn thì chị L và anh Ch sống chung tại thôn 5, xã T, huyện Đức Linh; cuộc sống hôn nhân có lúc hạnh phúc, có lúc mâu thuẫn; từ năm 2020 cho đến nay chị L đi làm ở thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, chỗ ở không ổn định, con chung thì sống cùng anh Ch; nay anh Ch xác định muốn ly hôn chị L thì chị L đồng ý. Do điều kiện công việc nên chị L không về Tòa án giải quyết với anh Ch được.

Về con chung: Chị L và anh Ch có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Minh Nhật Th, sinh năm 2014; sau khi ly hôn thì chị L cũng có nguyện vọng nuôi con, nhưng chị L cũng tôn trọng ý kiến của con chung, nếu con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn anh Nguyễn Minh Ch khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Đặng Thị L; chị L có nơi cư trú tại thôn 5, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/3/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 175 do Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày

03/10/2012, có căn cứ khẳng định anh Ch và chị L tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Ch và chị L được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Anh Ch và chị L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của anh Ch là do chị L có quan hệ bất chính với người khác, không quan tâm đến anh và con; hiện tại anh Ch và chị L không còn quan hệ như vợ chồng, hai bên đã ly thân, thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm, qua hòa giải và tại phiên tòa anh Ch đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn chị L.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Ch và chị L đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ch đối với chị L.

[3.2] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 247 do Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán cấp ngày 04/8/2014 thì có căn cứ khẳng định cháu Nguyễn Minh Nhật Th, sinh ngày 12/6/2014 là con chung của anh Ch và chị L.

Sau khi ly hôn, anh Ch và chị L đều có yêu cầu được quyền nuôi con. Nhận thấy, tại thời điểm giải quyết ly hôn thì cháu Th trên 7 tuổi và ý kiến của cháu Th có nguyện vọng sống với anh Ch sau khi anh Ch và chị L ly hôn (thể hiện trong bản tự khai ngày 20/5/2022); nhận thấy, cháu Th là cháu trai và đang do anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống vật chất và tinh thần của cháu ổn định; mặc khác, công việc và thu nhập hiện tại của anh Ch ổn định, đủ điều kiện nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung về mặt tâm sinh lý cũng như không nên làm xáo trộn cuộc sống của con chung. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, quyết định giao cho anh Ch quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Th. Chị L không trực tiếp nuôi con chung nhưng chị L vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh Ch không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Ch và không xem xét giải quyết trong bản án này.

[3.4] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh Ch và chị L về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và nợ trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Ch.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Ch ly hôn chị Đặng Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 175 do Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 01/10/2012, cấp cho anh Nguyễn Minh Ch và chị Đặng Thị L hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Minh Ch quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Minh Nhật Th, sinh ngày 12/6/2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Ghi nhận ý kiến của anh Nguyễn Minh Ch về việc không yêu cầu chị Đặng Thị L cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Minh Ch phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009202 ngày 04/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh Ch đã nộp đủ tiền án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/6/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Gia Canh, xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

MAI THUẬN